SỞ TÀI CHÍNH HÀ TĨNH
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH CÔNG

Số: 213 /TrTTCC-MSTT
V/v đăng tải công khai mua sắm tập trung cho Trường Đại học Hà Tĩnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 9 năm 2020

Kính gửi:
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh,

Căn cứ khoản 3 Điều 76 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh kính đề nghị Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính, Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh đăng tải công khai mua sắm tài sản Nhà nước theo phương thức tập trung cho Trường Đại học Hà Tĩnh.

(Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Danh mục tài sản đăng ký nhu cầu mua sắm kèm theo)

Kính đề nghị Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính, Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh quan tâm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc, Phó Giám đốc TrTTCC;
- Lưu VT, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH HÀ TĨNH
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH CÔNG

Lê Viết Cường

DANH MỤC TÀI SẢN

(Kèm theo Tờ trình số: 213 /TTr-TrTTCC ngày 03/9/2020 của Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh)

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá *(đồng)*	Thành tiền *(đồng)*
I	**TĂNG CƯỜNG THIẾT BỊ CHO CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM CỦA KHOA KỸ THUẬT -**				
1	**Thiết bị cho Phòng thí nghiệm Vật lý**				
1.1	Các công cụ phổ dụng phụ trợ thí nghiệm vật lý				
1.1.1	Đế 3 chân	Bộ	2	2.606.000	5.212.000
1.1.2	Thanh trụ dài 150cm	Bộ	2	3.473.000	6.946.000
1.1.3	Thanh trụ dài 75cm	Bộ	2	1.911.000	3.822.000
1.1.4	Kẹp với móc	Bộ	2	1.216.000	2.432.000
1.1.5	Kẹp vuông góc	Bộ	2	2.083.000	4.166.000
1.1.6	Kẹp đầu Bosshead	Bộ	2	902.000	1.804.000
1.1.7	Đồng hồ đo thời gian hiện số đa năng	Bộ	2	65.500.000	131.000.000
1.1.8	Bảng từ tính	Cái	2	3.000.000	6.000.000
1.1.9	Biến thế nguồn	Cái	2	5.000.000	10.000.000
1.1.10	Đồng hồ đo điện đa năng	Cái	4	10.500.000	42.000.000
1.1.11	Điện kế chứng minh	Cái	4	1.500.000	6.000.000
1.1.12	Bộ dây nối an toàn	Bộ	2	4.000.000	8.000.000
1.1.13	Máy phát âm tần	Cái	2	25.500.000	51.000.000
1.2	Các thiết bị thí nghiệm cơ học				
1.2.1	Bài thí nghiệm xác định gia tốc rơi tự do.	Bộ	2	18.500.000	37.000.000
1.2.2	Bộ dụng cụ Cơ học biểu diễn trên bảng từ	Bộ	2	72.500.000	145.000.000
1.2.3	Bộ Xác định hệ số căng bề mặt của chất lỏng	Bộ	1	15.500.000	15.500.000
1.2.4	Bộ thí nghiệm về dao động cơ học	Bộ	1	41.890.000	41.890.000
1.2.5	Bộ thí nghiệm đo vận tốc truyền âm trong không khí	Bộ	1	53.390.000	53.390.000
1.2.6	Bộ thí nghiệm về động học và va chạm	Bộ	1	125.500.000	125.500.000
1.2.7	Khảo sát lực quán tính li tâm	Bộ	6	4.998.000	29.988.000
1.2.8	Bộ thí nghiệm về momen quán tính của vật rắn	Bộ	6	3.132.000	18.792.000
1.2.9	Bộ thí nghiệm ghi đồ thị dao động của con lắc đơn	Bộ	6	3.171.000	19.026.000
1.2.10	Bộ thí nghiệm sóng dừng	Bộ	1	51.900.000	51.900.000
1.2.11	Bộ thí nghiệm sóng nước biểu diễn	Bộ	2	75.320.000	150.640.000
1.2.12	Bộ thí nghiệm đệm không khí	Bộ	1	185.675.000	185.675.000
1.2.13	Ống Newton - Ống rơi tự do	Bộ	1	5.000.000	5.000.000
1.2.14	Bộ thí nghiệm về định luật Béc-nu-li	Bộ	1	6.500.000	6.500.000
1.2.15	Kênh sóng nước	Bộ	1	6.800.000	6.800.000
1.3	Các thiết bị thí nghiệm nhiệt học				
1.3.1	Thiết bị thí nghiệm về định luật bôi lơ ma ri ốt với chất khí	Bộ	1	18.500.000	18.500.000
1.3.2	Thiết bị khảo sát hiện tượng mao dẫn	Bộ	1	7.500.000	7.500.000
1.4	Các thiết bị thí nghiệm điện học				
1.4.1	Bộ thí nghiệm về dòng điện không đổi	Bộ	6	2.593.000	15.558.000
1.4.2	Bộ thí nghiệm đo thành phần nằm ngang của từ trường Trái Đất	Bộ	6	1.187.000	7.122.000

1.4.3	Bộ thí nghiệm về mạch điện xoay chiều	Bộ	6	1.919.000	11.514.000
1.4.4	Bộ thí nghiệm về Điện tích - Điện trường	Bộ	2	65.500.000	131.000.000
1.4.5	Bộ thí nghiệm về dòng điện trong các môi trường	Bộ	1	1.214.000	1.214.000
1.4.6	Máy Rumcoop	Bộ	1	3.465.000	3.465.000
1.4.7	Bộ thí nghiệm lực từ và cảm ứng điện từ	Bộ	1	6.783.000	6.783.000
1.4.8	Bộ thí nghiệm về hiện tượng tự cảm	Bộ	1	1.499.000	1.499.000
1.4.9	Bộ thí nghiệm về máy biến áp và truyền tải điện năng đi xa	Bộ	1	3.854.000	3.854.000
1.4.10	Bộ thí nghiệm về máy phát điện xoay chiều ba pha	Bộ	1	3.854.000	3.854.000
1.4.11	Bộ thí nghiệm về hiện tượng quang điện ngoài	Bộ	1	4.123.000	4.123.000
1.5	Các thiết bị thí nghiệm quang học				
1.5.1	Bộ dụng cụ Vật Lý Quang hình biểu diễn	Bộ	2	18.500.000	37.000.000
1.5.2	Bộ thí nghiệm Quang hình thực hành	Bộ	2	69.768.000	139.536.000
1.5.3	Bộ thí nghiệm đo chiết suất của nước	Bộ	6	734.000	4.404.000
1.5.4	Bộ thí nghiệm xác định bước sóng của ánh sáng	Bộ	2	72.360.000	144.720.000
1.5.5	Bộ thí nghiệm về quang phổ	Bộ	1	4.339.000	4.339.000
1,6	Bàn thí nghiệm Vật Lý chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Bộ	10	5.000.000	50.000.000
1,7	Bàn giáo viên và bàn biểu diễn chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Bộ	2	7.000.000	14.000.000
1,8	Bàn chuẩn bị thí nghiệm Vật Lý chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Bộ	1	9.500.000	9.500.000
1,9	Ghế thí nghiệm học sinh chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Cái	44	779.000	34.276.000
1.10	Giá để thiết bị chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Cái	4	5.740.000	22.960.000
1,11	Máy chiếu				
1.11.1	Máy chiếu siêu gần tương tác VIEWSONIC PS750W	Cái	1	79.690.000	79.690.000
1.11.2	Màn chiếu	Cái	1	1.500.000	1.500.000
1.11.3	Vật tư và nhân công lắp đặt	Gói	1	3.300.000	3.300.000
1,12	Hệ thống âm thanh				
1.12.1	Amply Fonestar SA-204	Cái	1	9.790.000	9.790.000
1.12.2	Loa hộp treo tường Fonestar ELIPSE-4T	Cái	4	3.300.000	13.200.000
1.12.3	Bộ Micro không dây Fonestar MSH-898	Bộ	1	22.250.000	22.250.000
1.12.4	Vật tư, nhân công lắp đặt	Gói	1	2.200.000	2.200.000
1,13	Tủ để thiết bị DHCOM DC-Rack 6U	Cái	1	1.500.000	1.500.000
2	**Thiết bị cho Phòng thí nghiệm Hóa học**				
2.1	Các mô hình phân tử				
2.1.1	Mô hình phân tử dạng đặc	Bộ	1	369.000	369.000
2.1.2	Mô hình phân tử dạng rỗng	Bộ	1	256.000	256.000
2.2	Các công cụ phổ dụng phụ trợ thí nghiệm hóa học				
2.2.1	Ống nghiệm 16x160, bộ 100 cái	Bộ	2	1.538.000	3.076.000
2.2.2	Ống nghiệm có nhánh	Cái	12	21.000	252.000
2.2.3	Ống hút nhỏ giọt	Cái	12	23.000	276.000

2.2.4	Ống đong hình trụ 100ml	Cái	12	355.000	4.260.000
2.2.5	Ống thuỷ tinh hình trụ	Cái	12	23.000	276.000
2.2.6	Ống hình trụ loe một đầu	Cái	12	55.000	660.000
2.2.7	Bình cầu không nhánh đáy tròn 250ml	Cái	12	195.000	2.340.000
2.2.8	Bình cầu có nhánh	Cái	12	677.000	8.124.000
2.2.9	Bình tam giác 250ml	Cái	12	123.000	1.476.000
2.2.10	Bình tam giác 100ml	Cái	12	123.000	1.476.000
2.2.11	Bình kíp tiêu chuẩn	Cái	2	1.445.000	2.890.000
2.2.12	Lọ thuỷ tinh miệng rộng 250ml	Cái	12	68.000	816.000
2.2.13	Lọ thuỷ tinh miệng hẹp 250ml	Cái	12	68.000	816.000
2.2.14	Lọ thuỷ tinh miệng hẹp kèm ống hút nhỏ giọt	Cái	12	37.000	444.000
2.2.15	Cốc thuỷ tinh 250ml	Cái	12	103.000	1.236.000
2.2.16	Cốc thuỷ tinh 100ml	Cái	12	62.000	744.000
2.2.17	Phễu lọc thủy tinh cuống dài	Cái	12	82.000	984.000
2.2.18	Phễu chiết 50ml có khóa teflon	Cái	12	1.169.000	14.028.000
2.2.19	Chậu thủy tinh	Cái	12	170.000	2.040.000
2.2.20	Đũa thủy tinh	Cái	12	23.000	276.000
2.2.21	Đèn cồn thí nghiệm	Cái	12	47.000	564.000
2.2.22	Nút cao su không có lỗ các loại-5 loại	Cái	5	98.000	490.000
2.2.23	Nút cao su có lỗ các loại-5 loại	Cái	5	98.000	490.000
2.2.24	Giấy lọc	Hộp	2	1.827.000	3.654.000
2.2.25	Áo choàng	Cái	30	246.000	7.380.000
2.2.26	Kính bảo vệ mắt không màu	Cái	15	170.000	2.550.000
2.2.27	Kính bảo vệ mắt có màu	Cái	15	170.000	2.550.000
2.2.28	Chổi rửa ống nghiệm	Cái	15	23.000	345.000
2.2.29	Khay mang dụng cụ và hóa chất	Cái	15	363.000	5.445.000
2.2.30	Cân kỹ thuật hiện số	Cái	1	25.500.000	25.500.000
2.2.31	Muỗng đốt hóa chất	Cái	20	18.000	360.000
2.2.32	Kẹp đốt hóa chất cỡ nhỏ	Cái	20	66.000	1.320.000
2.2.33	Kẹp ống nghiệm	Cái	20	27.000	540.000
2.2.34	Găng tay cao su	Hộp	20	154.000	3.080.000
2.2.35	Bình xịt tia nước 500ml	Cái	20	57.000	1.140.000
2.2.36	Thìa xúc hoá chất	Cái	20	14.000	280.000
2.2.37	Panh gắp hóa chất	Cái	20	33.000	660.000
2.2.38	Giấy ráp	Tờ	20	12.000	240.000
2.2.39	Bộ giá thí nghiệm	Bộ	2	9.500.000	19.000.000
2.2.40	Bếp điện	Cái	4	15.500.000	62.000.000
2.3	Thiết bị thử tính dẫn điện	Bộ	1	25.900.000	25.900.000
2.4	Bộ dụng cụ chưng cất	Bộ	2	21.420.000	42.840.000
2.5	Bộ dụng cụ thí nghiệm phân tích thể tích	Bộ	2	7.500.000	15.000.000
2.6	Bộ dụng cụ thí nghiệm chưng cất	Bộ	2	21.420.000	42.840.000
2.7	Bộ dụng cụ điện phân				
2.7.1	Bộ dụng cụ điện phân dung dịch CuSO4	Bộ	2	15.800.000	31.600.000
2.7.2	Bộ dụng cụ điện phân dung dịch muối ăn có màng ngăn	Bộ	2	20.500.000	41.000.000
2.8	Nguồn điện AC/DC, 0 … 12V/3A	Cái	2	2.000.000	4.000.000
2.9	Thiết bị khuấy từ có gia nhiệt	Cái	2	16.500.000	33.000.000
2.10	Hóa chất				

2.10.1	Lưu huỳnh bột (S)-500gr	chai	2	433.000	866.000
2.10.2	Kẽm viên (Zn)-500gr	chai	2	771.000	1.542.000
2.10.3	Sắt phoi bào (Fe)-250gr	chai	2	109.000	218.000
2.10.4	Sắt bột (Fe)-500gr	chai	2	595.000	1.190.000
2.10.5	Magie dây (Mg)-50gr	chai	2	797.000	1.594.000
2.10.6	Nhôm bột (Al)-100gr	chai	2	135.000	270.000
2.10.7	Nhôm lá (Al)-100gr	chai	2	162.000	324.000
2.10.8	Đồng dây (phoi bào)-100gr	chai	2	150.000	300.000
2.10.9	Đồng lá (Cu)-250gr	chai	2	459.000	918.000
2.10.10	DD Brom (Br2)-1ml/ống	ống	2	27.000	54.000
2.10.11	Iod (I2)-1ml/ống	ống	2	18.000	36.000
2.10.12	Đồng (II) oxit (CuO)-500g	chai	2	1.406.000	2.812.000
2.10.13	Magie oxit (MgO)-500gr	chai	2	988.000	1.976.000
2.10.14	Sắt (III) oxit (Fe2O3)-500gr	chai	2	500.000	1.000.000
2.10.15	Crom (III) oxit (Cr2O3)-500gr	chai	2	1.488.000	2.976.000
2.10.16	Silic dioxit (SiO2)-500gr	chai	2	324.000	648.000
2.10.17	Mangan đioxit (MnO2)-500gr	chai	2	1.447.000	2.894.000
2.10.18	Natri hydroxit (NaOH)-500gr	chai	2	176.000	352.000
2.10.19	Canxi hyroxit (CaOH)2-500gr	chai	2	297.000	594.000
2.10.20	Axit clohydric (HCl)-500ml	chai	2	150.000	300.000
2.10.21	Axit sunfuric (H2SO4)-500ml	chai	2	162.000	324.000
2.10.22	Axit axetic (CH3COOH)-500ml	chai	2	203.000	406.000
2.10.23	Axit nitric (HNO3)-500ml	chai	2	189.000	378.000
2.10.24	Natri bromua (NaBr)-500gr	chai	2	920.000	1.840.000
2.10.25	Natri iotua (NaI)-250gr	chai	2	4.465.000	8.930.000
2.10.26	Kali iotua (KI)-250gr	chai	2	4.330.000	8.660.000
2.10.27	Kali clorua (KCl)-500gr	chai	2	271.000	542.000
2.10.28	Canxi clorua (CaCl2)-500gr	chai	2	297.000	594.000
2.10.29	Bari clorua (BaCl2)-500gr	chai	2	217.000	434.000
2.10.30	Sắt (III) clorua (FeCl3)-500gr	chai	2	338.000	676.000
2.10.31	Crôm (III) clorua (CrCl3)-500gr	chai	2	1.218.000	2.436.000
2.10.32	Nhôm clorua (AlCl3)-500gr	chai	2	312.000	624.000
2.10.33	Amoni clorua (NH4Cl)-500gr	chai	2	189.000	378.000
2.10.34	Chì nitorat (Pb(NO3)2)-250gr	chai	2	312.000	624.000
2.10.35	Bac nitrat (AgNO3)-20gr	chai	2	2.653.000	5.306.000
2.10.36	Natri sunfat (Na2SO4)-500gr	chai	2	189.000	378.000
2.10.37	Natri sunfit (Na2SO3)-500gr	chai	2	230.000	460.000
2.10.38	Đồng (II) sunfat (CuSO4)-500gr	chai	2	406.000	812.000
2.10.39	Kẽm sunfat (ZnSO4)-500gr	chai	2	324.000	648.000
2.10.40	Magie sunfat (MgSO4)-500gr	chai	2	297.000	594.000
2.10.41	Nhôm sunfat (Al2(SO4)3-500gr	chai	2	297.000	594.000
2.10.42	Natrihidro cacbonat (NaHCO3)-500gr	chai	2	217.000	434.000
2.10.43	Canxi cacbonat (CaCO3)-500gr	chai	2	338.000	676.000
2.10.44	Natri cacbonat (Na2CO3)-500gr	chai	2	244.000	488.000
2.10.45	Amoni cacbonat (NH4)2CO3-500gr	chai	2	217.000	434.000
2.10.46	Natri axetat (CH3COONa)-500gr	chai	2	244.000	488.000
2.10.47	Natri photphat (Na2PO4)-500gr	chai	2	217.000	434.000
2.10.48	Canxi đihidrophotphat (Ca(H2PO4)2-500gr	chai	2	1.406.000	2.812.000

2.10.49	Nước giaven - 500ml	chai	2	203.000	406.000
2.10.50	Canxi cacbua (CaC2)-500gr	chai	2	1.300.000	2.600.000
2.10.51	Natrithiosunfat (Na2S2O3)-500gr	chai	2	189.000	378.000
2.10.52	DD NH3 đặc (NH4OH)-500ml	chai	2	135.000	270.000
2.10.53	Phèn chua -500gr	chai	2	176.000	352.000
2.10.54	Kali sunfoxianua (KSCN)-500gr	chai	2	677.000	1.354.000
2.10.55	Kali permanganat (KMnO4)-500gr	chai	2	691.000	1.382.000
2.10.56	Kaliferiaxianua(K3[Fe(CN)6])-500gr	chai	2	759.000	1.518.000
2.10.57	Ethanol- Rượu Etylic 96 (C2H5OH)-500ml	chai	2	230.000	460.000
2.10.58	Adehit fomic (H-CHO)-500ml	chai	2	135.000	270.000
2.10.59	Glucozo (C6H12O6)-500gr	chai	2	217.000	434.000
2.10.60	Saccarozo (C12H22O11)-500gr	chai	2	459.000	918.000
2.10.61	Sắt (III) sunfat Fe2(SO4)3-500gr	chai	2	500.000	1.000.000
2.10.62	Than hoạt tính-500gr	chai	2	433.000	866.000
2.10.63	Anilin (C6H5NH2)-500ml	chai	2	595.000	1.190.000
2.10.64	Glyxerol (C3H5(OH)3-500ml	chai	2	297.000	594.000
2.10.65	Benzen (C6H6)-500ml	chai	2	324.000	648.000
2.10.66	Toluen (C6H5-CH3)-500ml	chai	2	264.000	528.000
2.10.67	Phenol (C6H5OH)-500ml	chai	2	420.000	840.000
2.10.68	Naphtalein (C10H8)-250gr	chai	2	230.000	460.000
2.10.69	Axeton (CH3-CO-CH3)-500ml	chai	2	244.000	488.000
2.10.70	Clorofom (CHCl3)-500ml	chai	2	447.000	894.000
2.10.71	Axit fomic (HCOOH)-500ml	chai	2	297.000	594.000
2.10.72	N-hecxan (C6H12)-500ml	chai	2	420.000	840.000
2.10.73	Dầu thông - 500ml	chai	2	230.000	460.000
2.10.74	Giấy quỳ tím	hộp	2	135.000	270.000
2.10.75	Metyl dacam	chai	2	420.000	840.000
2.10.76	Giấy phenolphtalein	hộp	2	109.000	218.000
2.10.77	Giấy pH	tập	2	25.000	50.000
2.10.78	Nước cất (1 lít)	chai	2	45.000	90.000
2.10.79	Oxy già (H2O2)-500ml	chai	2	176.000	352.000
2.10.80	Amoni sunfat (NH4)2SO4-500gr	chai	2	189.000	378.000
2.10.81	Muối mo -500gr	chai	2	338.000	676.000
2.10.82	Axit photphoric (H3PO4)-500ml	chai	2	285.000	570.000
2.10.83	Natri clorua (NaCl) (500gr)	chai	2	162.000	324.000
2,11	Bàn biểu diễn giáo viên	Bộ	1	8.500.000	8.500.000
2,12	Bàn thí nghiệm hóa học	Bộ	10	10.500.000	105.000.000
2,13	Bàn giáo viên chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Bộ	1	7.000.000	7.000.000
2,14	Bàn chuẩn bị thí nghiệm Hóa học chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Bộ	1	15.500.000	15.500.000
2,15	Bàn chậu rửa đôi chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Bộ	1	12.500.000	12.500.000
2,16	Ghế thí nghiệm học sinh chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Cái	44	779.000	34.276.000
2,17	Giá để thiết bị chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Cái	4	5.740.000	22.960.000

2,18	Tủ đựng hóa chất chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Cái	2	21.525.000	43.050.000
2,19	Tủ hút khí độc chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Cái	1	58.425.000	58.425.000
2.20	Máy chiếu				
2.20.1	Máy chiếu siêu gần tương tác VIEWSONIC PS750W	Cái	1	79.690.000	79.690.000
2.20.2	Màn chiếu	Cái	1	1.500.000	1.500.000
2.20.3	Vật tư và nhân công lắp đặt	Gói	1	3.300.000	3.300.000
2.21	Hệ thống âm thanh				
2.21.1	Amply Fonestar SA-204	Cái	1	9.790.000	9.790.000
2.21.2	Loa hộp treo tường Fonestar ELIPSE-4T	Cái	4	3.300.000	13.200.000
2.21.3	Bộ Micro không dây Fonestar MSH-898	Bộ	1	22.250.000	22.250.000
2.21.4	Vật tư, nhân công lắp đặt	Gói	1	2.200.000	2.200.000
2.22	Tủ để thiết bị DHCOM DC-Rack 6U	Cái	1	1.500.000	1.500.000
3	**Thiết bị cho Phòng thí nghiệm Sinh học**				
3.1	Các mô hình trực quan				
3.1.1	Mô hình cấu trúc không gian phân tử ADN	Bộ	5	451.000	2.255.000
3.1.2	Những diễn biến cơ bản của nhiễm sắc thể trong: nguyên phân, giảm phân 1, giảm phân 2	Bộ	5	2.563.000	12.815.000
3.2	Các công cụ phổ dụng phụ trợ thí nghiệm sinh học				
3.2.1	Cốc thuỷ tinh 250ml	Cái	10	78.000	780.000
3.2.2	Cốc thuỷ tinh 100ml	Cái	10	78.000	780.000
3.2.3	Đèn cồn thí nghiệm	Cái	10	47.000	470.000
3.2.4	Lọ thuỷ tinh miệng rộng 250ml	Cái	10	68.000	680.000
3.2.5	Lọ thuỷ tinh miệng hẹp 250ml	Cái	10	68.000	680.000
3.2.6	Lọ thuỷ tinh miệng hẹp kèm ống hút nhỏ giọt	Cái	10	37.000	370.000
3.2.7	Bình tam giác 250ml	Cái	10	123.000	1.230.000
3.2.8	Bình tam giác 100ml	Cái	10	123.000	1.230.000
3.2.9	Đũa thủy tinh	Cái	10	23.000	230.000
3.2.10	Ống nghiệm 16x160, bộ 100 cái	Bộ	2	1.538.000	3.076.000
3.2.11	Phễu lọc thủy tinh cuống dài	Cái	15	82.000	1.230.000
3.2.12	Lam kính	Hộp	6	92.000	552.000
3.2.13	Lamen	Hộp	6	139.000	834.000
3.2.14	Khay nhựa	Cái	20	62.000	1.240.000
3.2.15	Bô can	Cái	10	324.000	3.240.000
3.2.16	Giá để ống nghiệm	Cái	10	55.000	550.000
3.2.18	Lưới thép không gỉ	Cái	10	29.000	290.000
3.2.19	Kiềng 3 chân	Cái	10	59.000	590.000
3.2.20	Cối, chày sứ	Cái	10	92.000	920.000
3.2.21	Kính hiển vi kỹ thuật số 3 mắt, màn hình LCD chất lượng cao	Cái	1	78.925.000	78.925.000
3.2.22	Kính hiển vi độ phóng đại 1000 lần	Cái	20	23.575.000	471.500.000
3.2.23	Lọ thủy tinh miệng hẹp 250ml	Bộ	10	146.000	1.460.000
3.2.24	Lọ thủy tinh miệng rộng 250ml	Bộ	10	144.000	1.440.000
3.2.25	Bộ đồ mổ	Bộ	10	3.075.000	30.750.000
3.2.26	Bộ đồ giâm, chiết, ghép	Bộ	10	379.000	3.790.000

3.2.27	Nhiệt kế đo thân nhiệt người	Cái	10	49.000	490.000
3.3	Hóa chất				
3.3.1	Carmin axetic (0,5ml)	ống	2	25.000	50.000
3.3.2	Cồn 90 độ (1L)	chai	2	135.000	270.000
3.3.3	Natri hydroxit (NaOH)-500gr	chai	2	176.000	352.000
3.3.4	Axit clohydric (HCl)-500ml	chai	2	150.000	300.000
3.3.5	DD Kali iotua (1%)-500ml	chai	2	135.000	270.000
3.3.6	Thuốc thử Feling (500ml)	chai	2	189.000	378.000
3.3.7	Mangan sunfat (MnSO4)-500gr	chai	2	353.000	706.000
3.3.8	Canxi nitrat (Ca(NO3)2)-500gr	chai	2	312.000	624.000
3.3.9	Amonidihidro photphat (NH4)H2PO4-500gr	chai	2	271.000	542.000
3.3.10	Axeton (CH3-CO-CH3)-500ml	chai	2	244.000	488.000
3.3.11	Benzen (C6H6)-500ml	chai	2	324.000	648.000
3.3.12	Phenolphtalein (25gr)	chai	2	176.000	352.000
3.3.13	DD Adrenalin 1/10000	ống	2	41.000	82.000
3.3.14	Coban clorua CoCl2 (100gr)	chai	2	812.000	1.624.000
3.3.15	Axit sunfuric (H2SO4)-500ml	chai	2	162.000	324.000
3.3.16	DD NH3 đặc (NH4OH)-500ml	chai	2	135.000	270.000
3.3.17	Natrihidro Tactrat (NaHC4H4O6) -250gr	chai	2	338.000	676.000
3.3.18	Kaliferoxianua (K4Fe(CN)6)-500gr	chai	2	406.000	812.000
3.3.19	Amoni molipdat (NH4)2MoO4-100gr	chai	2	730.000	1.460.000
3.3.20	Stronti Nitrat Sr(NO3)2-500gr	chai	2	853.000	1.706.000
3.3.21	Natrihidro cacbonat (NaHCO3)-500gr	chai	2	176.000	352.000
3.3.22	Kalihidro cacbonat (KHCO3)-500gr	chai	2	338.000	676.000
3.3.23	Nước cất (1 lít)	chai	2	45.000	90.000
3,4	Bàn biểu diễn giáo viên chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Bộ	1	8.500.000	8.500.000
3,6	Bàn thí nghiệm Sinh học chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Bộ	10	10.500.000	105.000.000
3,6	Bàn giáo viên cho phòng thí nghiệm chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Bộ	1	7.000.000	7.000.000
3,7	Bàn chuẩn bị thí nghiệm Sinh học chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Bộ	1	15.500.000	15.500.000
3,8	Bàn chậu rửa đôi chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Bộ	1	12.500.000	12.500.000
3,9	Ghế thí nghiệm học sinh chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Cái	44	779.000	34.276.000
3.10	Giá để thiết bị chuyên dùng cho phòng thí nghiệm	Cái	4	5.740.000	22.960.000
3.11	Máy chiếu				
3.11.1	Máy chiếu siêu gần tương tác VIEWSONIC PS750W	Cái	1	79.690.000	79.690.000
3.11.2	Màn chiếu	Cái	1	1.500.000	1.500.000
3.11.3	Vật tư và nhân công lắp đặt	Gói	1	3.300.000	3.300.000
3.12	Hệ thống âm thanh				
3.12.1	Amply Fonestar SA-204	Cái	1	9.790.000	9.790.000
3.12.2	Loa hộp treo tường Fonestar ELIPSE-4T	Cái	4	3.300.000	13.200.000
3.12.3	Bộ Micro không dây Fonestar MSH-898	Bộ	1	22.250.000	22.250.000

3.12.4	Vật tư, nhân công lắp đặt	Gói	1	2.200.000	2.200.000
3.13	Tủ để thiết bị DHCOM DC-Rack 6U	Cái	1	1.500.000	1.500.000
II	**TĂNG CƯỜNG THIẾT BỊ CHO BỘ MÔN TÂM LÝ - GIÁO DỤC, BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ**				
1	**Thiết bị cho Phòng thực hành giảng dạy Âm nhạc**				
1.1	Đàn Piano điện + phụ kiện				
1.1.1	Đàn Piano điện Casio CDP-S350	Cái	36	22.000.000	792.000.000
1.1.2	Chân đế CS-46	Cái	36	2.000.000	72.000.000
1.1.3	Bàn đạp SP-34	Cái	36	2.000.000	72.000.000
1.1.4	Ghế ngồi CB-7BK	Cái	36	1.000.000	36.000.000
1.1.5	Tai nghe Sony MDR-ZX110AP	Cái	36	1.000.000	36.000.000
1.2	Máy chiếu siêu gần tương tác				
1.2.1	Máy chiếu siêu gần tương tác VIEWSONIC PS750W	Cái	1	79.690.000	79.690.000
1.2.2	Màn chiếu	Cái	1	1.500.000	1.500.000
1.2.3	Vật tư và nhân công lắp đặt	Gói	1	3.300.000	3.300.000
1.3	Hệ thống âm thanh				
1.3.1	Amply Fonestar SA-204	Cái	1	9.790.000	9.790.000
1.3.2	Loa hộp treo tường Fonestar ELIPSE-4T	Cái	4	3.300.000	13.200.000
1.3.3	Bộ Micro không dây Fonestar MSH-898	Bộ	1	22.250.000	22.250.000
1.3.4	Vật tư, nhân công lắp đặt	Gói	1	2.200.000	2.200.000
1.4	Tủ để thiết bị DHCOM DC-Rack 6U	Cái	1	1.500.000	1.500.000
2	**Thiết bị cho Phòng thực hành giảng dạy múa**				
2.1	Hệ thống âm thanh				
2.1.1	Amply Fonestar SA-204	Cái	1	9.790.000	9.790.000
2.1.2	Loa hộp treo tường Fonestar ELIPSE-4T	Cái	4	3.300.000	13.200.000
2.1.3	Bộ Micro không dây Fonestar MSH-898	Bộ	1	22.250.000	22.250.000
2.1.4	Vật tư, nhân công lắp đặt	Gói	1	2.200.000	2.200.000
2.1.5	Tủ để thiết bị DHCOM DC-Rack 6U	Cái	1	1.500.000	1.500.000
3	**Thiết bị cho phòng thực hành giảng dạy Mỹ thuật**				
3.1	Máy chiếu				
3.1.1	Máy chiếu siêu gần tương tác VIEWSONIC PS750W	Cái	1	79.690.000	79.690.000
3.1.2	Màn chiếu	Cái	1	1.500.000	1.500.000
3.1.3	Vật tư và nhân công lắp đặt	Gói	1	3.300.000	3.300.000
3.2	Hệ thống âm thanh				
3.2.1	Amply Fonestar SA-204	Cái	1	9.790.000	9.790.000
3.2.2	Loa hộp treo tường Fonestar ELIPSE-4T	Cái	4	3.300.000	13.200.000
3.2.3	Bộ Micro không dây Fonestar MSH-898	Bộ	1	22.250.000	22.250.000
3.2.4	Vật tư, nhân công lắp đặt	Gói	1	2.200.000	2.200.000
3.2.5	Tủ để thiết bị DHCOM DC-Rack 6U	Cái	1	1.500.000	1.500.000
III	**TĂNG CƯỜNG THIẾT BỊ CHO CÁC PHÒNG HỌC**				
1	Máy chiếu				
1	Máy chiếu				
1.1	Máy chiếu siêu gần tương tác VIEWSONIC PS750W	Cái	57	79.690.000	4.542.330.000
1.2	Màn chiếu	Cái	57	1.500.000	85.500.000
1.3	Vật tư và nhân công lắp đặt	Gói	57	3.300.000	188.100.000
2	Hệ thống âm thanh				

2.1	Amply Fonestar SA-204	Cái	63	9.790.000	616.770.000
2.2	Loa hộp treo tường Fonestar ELIPSE-4T	Cái	252	3.300.000	831.600.000
2.3	Bộ Micro không dây Fonestar MSH-898	Bộ	63	22.250.000	1.401.750.000
2.4	Vật tư, nhân công lắp đặt hệ thống âm thanh	Gói	63	2.200.000	138.600.000
3	Tivi	Cái	6	29.000.000	174.000.000
3.1	Tivi 65 inch LG 65UM7400PLB				
3.2	Nhân công và phụ kiện lắp đặt tivi	Gói	6	1.500.000	9.000.000
4	Tủ để thiết bị DHCOM DC-Rack 6U	Cái	63	1.500.000	94.500.000
IV	**TĂNG CƯỜNG THIẾT BỊ CHO CÁC PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC**				
1	Máy tính để bàn CMS X-Media XE3B	Bộ	135	13.700.000	1.849.500.000
2	Màn hình tương tác 86 inch				
2.1	Màn hình tương tác 86 inch Newline TT-8618VN	Chiếc	4	306.500.000	1.226.000.000
2.2	Chân di động	Chiếc	4	6.600.000	26.400.000
3	Hệ thống âm thanh				
3.1	Amply Fonestar SA-204	Cái	4	9.790.000	39.160.000
3.2	Loa hộp treo tường Fonestar ELIPSE-4T	Cái	16	3.300.000	52.800.000
3.3	Bộ Micro không dây Fonestar MSH-898	Bộ	4	22.250.000	89.000.000
3.4	Vật tư, nhân công lắp đặt hệ thống âm thanh	Gói	4	2.200.000	8.800.000
4	Bộ lưu điện VERTIV LIEBERT GXT5-10KIRT5UXLN	Bộ	8	105.500.000	844.000.000
5	Tủ để thiết bị DHCOM DC-Rack 6U-D450	Cái	4	1.500.000	6.000.000
V	**TĂNG CƯỜNG THIẾT BỊ CHO CÁC PHÒNG HỌC ĐA NĂNG**				
1	Máy tính để bàn CMS X-Media XE3B	Bộ	90	13.700.000	1.233.000.000
2	Tai ghe EXSOFT EX668	Cái	90	950.000	85.500.000
3	Phần mềm học ngoại ngữ				
3.1	Phần mềm EXSOFT dùng trong hệ thống phòng học ngoại ngữ Model EX400 dùng cho giáo viên (Cài trên máy tính giáo viên)	PM	2	50.000.000	100.000.000
3.2	Phần mềm EXSOFT dùng trong hệ thống phòng học ngoại ngữ Model EX400 dùng cho học viên (Cài trên máy tính học viên)	PM	88	4.500.000	396.000.000
4	Màn hình tương tác				
4.1	Màn hình tương tác 75 inch Newline TT-7518VN	Cái	2	188.690.000	377.380.000
4.2	Chân di động	Cái	2	6.000.000	12.000.000
5	Hệ thống âm thanh				
5.1	Amply Fonestar SA-204	Cái	2	9.790.000	19.580.000
5.2	Loa hộp treo tường Fonestar ELIPSE-4T	Cái	8	3.300.000	26.400.000
5.3	Bộ Micro không dây Fonestar MSH-898	Bộ	2	22.250.000	44.500.000
5.4	Vật tư, nhân công lắp đặt hệ thống âm thanh	Gói	2	2.200.000	4.400.000
6	Bộ lưu điện VERTIV LIEBERT GXT5-10KIRT5UXLN	Bộ	4	105.500.000	422.000.000
7	Tủ để thiết bị DHCOM DC-Rack 6U-D450	Cái	2	1.500.000	3.000.000
VI	**TĂNG CƯỜNG THIẾT BỊ CHO PHÒNG HỌC TRỰC TUYẾN**				
1	Máy chiếu				
1.1	Máy chiếu siêu gần tương tác VIEWSONIC PS750W	Cái	1	79.690.000	79.690.000

1.2	Màn chiếu	Cái	1	1.500.000	1.500.000
1.3	Vật tư và nhân công lắp đặt	Gói	1	3.300.000	3.300.000
2	Hệ thống âm thanh				
2.1	Amply Fonestar SA-204	Cái	1	9.790.000	9.790.000
2.2	Loa hộp treo tường Fonestar ELIPSE-4T	Cái	4	3.300.000	13.200.000
2.3	Bộ Micro không dây Fonestar MSH-898	Bộ	1	22.250.000	22.250.000
2.4	Vật tư, nhân công lắp đặt hệ thống âm thanh	Gói	1	2.200.000	2.200.000
3	Camera ghi hình dạy học trực tuyến SONY	Bộ	1	142.300.000	142.300.000
4	Thiết bị chuyển HDMI to USB 3.0	Bộ	1	15.000.000	15.000.000
5	Cáp HDMI 20m	Bộ	1	1.500.000	1.500.000
6	Máy tính xách tay Asus A556UR	Bộ	1	15.000.000	15.000.000
7	Zoom Meeting Cloud Business (Bản quyền sử dụng 2 năm)	Host	10	20.000.000	200.000.000
8	Tủ để thiết bị DHCOM DC-Rack 6U-D450	Cái	1	1.500.000	1.500.000
VII	**TĂNG CƯỜNG THIẾT BỊ NỘI THẤT PHÒNG HỌC**				
1	**Bàn ghế giáo viên và học viên cho phòng thực hành tin học**				
1.1	Bàn giáo viên BGV103	Cái	2	1.500.000	3.000.000
1.2	Ghế giáo viên	Cái	2	400.000	800.000
1.3	Bàn học viên Hòa Phát BH101	Bộ	44	1.300.000	57.200.000
1.4	Ghế học viên Hòa Phát GHSP 107-VI	Cái	88	300.000	26.400.000
2	**Bàn ghế giáo viên và học viên cho phòng học đa năng**				
2.1	Bàn giáo viên BGV103	Cái	2	1.500.000	3.000.000
2.2	Ghế giáo viên	Cái	2	400.000	800.000
2.3	Bàn học viên Hòa Phát BH101	Bộ	44	1.300.000	57.200.000
2.4	Ghế học viên Hòa Phát GHSP 107-VI	Cái	88	300.000	26.400.000
3	**Bàn ghế, bảng cho các phòng học**				
3.1	Bàn giáo viên BGV103	Cái	19	1.500.000	28.500.000
3.2	Ghế giáo viên	Cái	19	400.000	7.600.000
3.3	Bộ bàn ghế học sinh Hòa Phát BHS110	Bộ	342	1.500.000	513.000.000
3.4	Bảng trượt ngang	Cái	13	10.000.000	130.000.000
VIII	**TĂNG CƯỜNG NỘI THẤT THƯ VIỆN**				
1	**Phòng đọc 1**				
1.1	Giá sách 1 (GS1)	Cái	2	7.990.400	15.980.800
1.2	Giá sách 2 (GS2)	Cái	2	3.821.600	7.643.200
1.3	Giá sách 3 (GS3)	Cái	2	2.786.400	5.572.800
1.4	Giá trưng bày (GTB)	Cái	2	1.972.800	3.945.600
1.5	Bàn đọc 1(B1)	Cái	1	9.216.000	9.216.000
1.6	Bàn đọc tròn (B3)	Cái	3	3.520.000	10.560.000
1.7	Ghế sofa nỉ đỏ (G1)	Cái	2	8.320.000	16.640.000
1.8	Ghế sofa nỉ tím (G3)	Cái	1	26.400.000	26.400.000
1.9	Tủ nhân viên 1 (TU1)	Cái	1	7.459.200	7.459.200
1.10	Tủ nhân viên 2 (TU2)	Cái	2	7.784.800	15.569.600
1.11	Cây thông tin (MT)	Cái	2	2.956.800	5.913.600
1.12	Quầy thủ thư (R)	Cái	1	5.115.200	5.115.200
1.13	Ghế ngồi đọc	Cái	20	1.040.000	20.800.000
1.14	Máy tính All in One Asus V222FA (phục vụ tra cứu và khai thác tài liệu điện tử)	Bộ	10	20.000.000	200.000.000

2	**Phòng đọc 2**				
2.1	Giá sách 1 (GS1)	Cái	4	7.990.400	31.961.600
2.2	Giá sách 4 (GS4)	Cái	1	3.888.000	3.888.000
2.3	Giá sách 5 (GS5)	Cái	2	5.404.000	10.808.000
2.4	Giá tạp chí (GTC)	Cái	1	6.398.400	6.398.400
2.5	Giá trưng bày (GTB)	Cái	2	1.918.000	3.836.000
2.6	Bàn đọc 2 (B2)	Cái	2	7.744.000	15.488.000
2.7	Bàn đọc 4 (B4)	Cái	2	3.840.000	7.680.000
2.8	Ghế sofa nỉ đỏ không tựa (G2)	Cái	2	8.320.000	16.640.000
2.9	Tủ nhân viên 1 (TU1)	Cái	2	7.459.200	14.918.400
2.10	Cây thông tin (MT)	Cái	4	3.520.000	14.080.000
2.11	Quầy thủ thư (R)	Cái	1	5.115.200	5.115.200
2.12	Ghế ngồi đọc	Cái	20	1.040.000	20.800.000
2.13	Máy tính All in One Asus V222FA (phục vụ tra cứu và khai thác tài liệu điện tử)	Bộ	10	20.000.000	200.000.000
IX	**TĂNG CƯỜNG TRANG THIẾT BỊ BỘ MÔN THỂ DỤC**				
1	Môn bóng chuyền				
1.1	Trụ bóng chuyền di động	Trụ	4	13.000.000	52.000.000
1.2	Lưới bóng chuyền	Cái	2	600.000	1.200.000
2	Môn cầu lông				
2.1	Trụ cầu lông di động	Trụ	4	12.000.000	48.000.000
2.2	Lưới cầu lông	Cái	2	400.000	800.000
3	Môn bóng rổ				
3.1	Trụ bóng rổ	Trụ	2	13.500.000	27.000.000
4	Môn bóng bàn				
4.1	Bàn bóng bàn	Cái	2	7.500.000	15.000.000
4,2	Cọc lưới bóng bàn	Cái	2	350.000	700.000
5	Dụng cụ thể hình				
5.1	Xà đơn	Bộ	2	8.000.000	16.000.000
5.2	Xà kép	Bộ	2	11.500.000	23.000.000
5.3	Xà lệch	Bộ	2	13.500.000	27.000.000
TỔNG CỘNG					**22.448.682.600**

Bằng chữ: (Hai mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm đồng)./.